

11. TƯỜNG ỪNG SAKKA (SAKKASAMYUTTA)

PHẨM THỨ NHẤT (PAṬHAMAVAGGA)

I. KINH SUVĪRA (*Suvīrasutta*) (S. I. 215)

247. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvattthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các asura (a-tu-la) tấn công chư thiên. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra:

“Này Suvīra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra:

“Này Suvīra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra:

“Này Suvīra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với thiên tử Suvīra:

Không nỗ lực, tinh cần,
Vẫn đạt được an lạc,
Suvīra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Suvīra:]

Kẻ nhác, không nỗ lực,
Và không làm việc gì,
Mọi ước vọng thành đạt,
Hướng tới thượng là gì?

[Sakka:]

Kẻ nhác, không nỗ lực,
Chúng được tối hậu lạc.
Suvīra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Suvīra:]

Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chứng lạc ấy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tới thượng là gì?

[Sakka:]

Nếu không có làm gì,
Thời không có tái sanh,
Đường ấy hướng Niết-bàn,
Suvīra, hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy!

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh tấn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông làm cho sáng chói vị ấy khi các ông xuất gia trong Pháp, Luật khéo thuyết như vậy; nỗ lực, tinh cần, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ.

II. KINH SUSĪMA (*Susīmasutta*) (S. I. 217)

248. Trú ở Sāvatthi.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa các a-tu-la tấn công chư thiên. Rồi nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susīma:

“Này Susīma thân yêu, các a-tu-la ấy tấn công chư thiên. Này Susīma thân yêu, hãy đi nghênh đánh các a-tu-la.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Susīma vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ hai, nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susīma... nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ ba, nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susīma... nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Rồi nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với thiên tử Susīma:

Không nỗ lực tinh cần,
Vẫn đạt được an lạc,
Susīma hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Susīma:]

Kẻ nhác không nỗ lực,
Và không làm được gì,
Mọi dục (*kāma*) đều thành đạt,
Hướng tới thượng là gì?

[Sakka:]

Kẻ nhác không nỗ lực,
Chứng được tối hậu lạc,
Susīma hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Susīma:]

Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chứng lạc ấy,
Không sâu, không nhiệt nảo,
Hướng tới thượng là gì?

[Sakka:]

Nếu không có làm gì,
Thời không có tái sanh,
Đường ấy hướng Niết-bàn,
Susīma, hãy đi,
Giúp ta đạt quả ấy.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh

tấn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông làm cho sáng chói vị ấy khi các ông xuất gia trong Pháp, Luật khéo thuyết như vậy; nỗ lực, tinh cần, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng những gì chưa chứng, để ngộ những gì chưa ngộ.

III. KINH DHAJAGGA (*Dhajaggasutta*)¹ (S. I. 218)

249. Ở Sāvattthi. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một cuộc chiến dữ dội khởi lên giữa chư thiên và các asura.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

“Này thân hữu, khi các ông lâm chiến, nếu sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên; lúc ấy, các ông hãy nhìn nơi đầu ngọn cờ của ta. Khi các ông nhìn lên đầu ngọn cờ của ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của ta, thời hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Īsāna.² Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Īsāna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt.”

Này các Tỷ-kheo, khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên chủ Sakka, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Īsāna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược được khởi lên có thể sẽ biến diệt và sẽ không biến diệt.

Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn diệt tham, chưa đoạn diệt sân, chưa đoạn diệt si, còn nhát gan, hoảng hốt, hoảng sợ, hoảng chạy.³

Và này các Tỷ-kheo, Ta nói như sau: “Này các Tỷ-kheo, khi các ông đi vào

¹ Bản tiếng Anh của PTS: *The Top of the Banner*, nghĩa là *Đầu ngọn cờ*.

² Ba vị Thiên vương Pajāpati, Varuṇa, Īsāna được đề cập đến trong D.13, *Tevija Sutta* (Kinh Tam minh).

³ Xem S. I. 98 (kinh 135 ở trước).

rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: ‘Ngài là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.’”

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp: “Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu.”

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Pháp, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng: “Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trục hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn đáng được kính lễ, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở trên đời.”

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến chúng Tăng, thời sợ hãi, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt.

Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã ly tham, ly sân, ly si, không nhất gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói tiếp:

Này các vị Tỷ-kheo,
Trong rừng hay gốc cây,
Hay tại căn nhà trống,
Hãy niệm bậc Chánh Giác,
Các ông có sợ hãi,
Sợ hãi sẽ tiêu diệt.

Nếu không tư niệm Phật,
Tối thượng chủ ở đời,
Và cũng là bậc vương,
Trong thế giới loài người,
Vậy hãy tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết.

Nếu không tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết,
Vậy hãy tư niệm Tăng,
Là phước điền vô thượng.

Vậy này các Tỷ-kheo,
 Như vậy tư niệm Phật,
 Tư niệm Pháp và Tăng,
 Sợ hãi hay hoảng hốt,
 Hay lông tóc dựng ngược,
 Không bao giờ khởi lên.

IV. KINH VEPACITTI (*Vepacittisutta*)⁴ (S. I. 220)

250. Nhân duyên tại Sāvatthi. Thế Tôn thuyết như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, cuộc chiến xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la gọi các a-tu-la: “Này các thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư thiên và các loài a-tu-la rất là khốc liệt, nếu các a-tu-la thắng và chư thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi đặt vị ấy lên trước mặt ta, trong thành của các a-tu-la.”

Còn Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

“Này các thân hữu, trong trận chiến giữa chư thiên và các loài a-tu-la rất là khốc liệt, nếu chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại, hãy trói Vepacitti, vua các a-tu-la [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi đặt vị ấy lên trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp).”

Nhưng này các Tỷ-kheo, trong trận chiến ấy, chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại.

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam trói a-tu-la vương Vepacitti [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka, trong giảng đường Sudhamma.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, khi Thiên chủ Sakka đi vào và đi ra khỏi giảng đường Sudhamma, vua các a-tu-la, Vepacitti bị trói [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, nhiec mắng, mạ lỵ Thiên chủ Sakka với những lời thô ác, độc ngữ.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Này Thiên chủ Sakka,
 Có phải là ông sợ,
 Hay vì ông yếu hèn,
 Nên mới phải kham nhẫn,
 Khi ông nghe ác ngữ,
 Từ Vepacitti?

[Sakka:]

Không phải vì sợ hãi,

⁴ Bản tiếng Anh của PTS: *Vepacitti* (or *Forbearance*), nghĩa là *Vepacitti* (hay *Kham nhẫn*).

Không phải vì yếu hèn,
Mà ta phải kham nhẫn,
Với Vepacitti.
Sao kẻ trí như ta,
Lại liên hệ người ngu?

[Mātali:]

Kẻ ngu càng nổi khùng,
Nếu không người đối trị.
Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.

[Sakka:]

Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ đối trị người ngu,
Biết kẻ khác phần nộ,
Giữ niệm tâm an tịnh.

[Mātali:]

Hỡi này Vāsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lỗi lầm,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
“Vì sợ ta, nó nhẫn”
Kẻ ngu càng hăng tiết,⁵
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.

[Sakka:]

Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi⁶ tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.
Không mạnh cho là mạnh,
Ấy sức mạnh kẻ ngu.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng.

⁵ *Ajjhāruhati*: Nổi lên, leo lên.

⁶ *Sadattha*: Lợi ích của chính mình.

Người giận, mình giận lại,
 Ác hại nặng nề hơn.⁷
 Người giận, mình không giận,
 Được thắng trận khó thắng.
 Sống lợi ích cả hai,
 Lợi mình và lợi người,
 Biết kẻ khác tức giận,
 Giữ niệm, tâm an tịnh.
 Là y sĩ cả hai,
 Chữa mình và chữa người.
 Quần chúng nghĩ là ngu,
 Vì không giỏi Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy đã tự nuôi sống với quả công đức của mình, đã ngự trị và cai trị chư thiên Tam Thập Tam thiên, sẽ nói lời tán thán nhẫn nhục và nhu hòa.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông hãy làm chói sáng Pháp, Luật này bằng cách khi xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, hãy thực hành kham nhẫn và nhu hòa.

V. KINH THẮNG LỢI NHỜ THIÊN NGŨ (*Subhāsitaṭṭajayasutta*) (S. I. 222)

251. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, một trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la (*asura*).

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

“Này Thiên chủ, hãy để ai khéo nói, người ấy thắng.”

“Này Vepacitti, hãy để ai khéo nói, người ấy thắng.”

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên và các a-tu-la sắp lập ra một hội đồng và nói:

“Hội đồng này sẽ phán xét ai khéo nói, ai không khéo nói.”

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

“Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ.”

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các a-tu-la:

“Này Vepacitti, ở đây, ông là vị lớn tuổi hơn. Này Vepacitti, hãy nói lên bài kệ.”

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, vua các a-tu-la, Vepacitti, nói lên bài kệ này:

Kẻ ngu càng nổi khùng,
 Nếu không người đối trị,

⁷ Xem S. I. 161 (kinh 188 ở trước); S. I. 163 (kinh 189 ở trước).

Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.

Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, còn chư thiên thời im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:
“Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ.”

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ chế ngự người ngu,
Biết kẻ khác phần nộ,
Giữ niệm, tâm an tịnh.

Này các Tỷ-kheo, chư thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các a-tu-la thời im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các a-tu-la:
“Này Vepacitti, hãy nói lên bài kệ.”

[Vepacitti:]

Hỡi này Vāsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lắm lỗi,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
“Vì sợ ta, nó nhẫn.”
Kẻ ngu càng hăng tiết,
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.

Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, còn chư thiên thời im lặng.

Rồi Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

“Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ.”

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.

Không mạnh cho là mạnh,
 Ấy sức mạnh kẻ ngu.
 Người mạnh hộ trì pháp,
 Không nói lời phản ứng,
 Người giận, mình giận lại,
 Ác hại nặng nề hơn.
 Người giận, mình không giận,
 Được thắng trận khó thắng.
 Sống lợi ích cả hai,
 Lợi mình và lợi người,
 Biết kẻ khác tức giận,
 Giữ niệm, tâm an tịnh.
 Là y sĩ cả hai,
 Chữa mình và chữa người.
 Quần chúng nghĩ là ngu,
 Vì không giỏi Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, chư thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các a-tu-la thời im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, hội đồng chư thiên và a-tu-la nói như sau:

“Những bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, nói lên là những lời bạo lực, những lời đao kiếm, đưa đến đấu tranh, bất hòa, gây hấn.

Còn những bài kệ của Thiên chủ Sakka nói lên là những lời không thuộc bạo lực, những lời không thuộc đao kiếm, không đưa đến đấu tranh, không đưa đến bất hòa, không đưa đến gây hấn. Thắng lợi đã về Thiên chủ Sakka, nhờ khéo nói.”

Như vậy, này các Tỷ-kheo, thắng lợi về Thiên chủ Sakka nhờ khéo nói.

VI. KINH TỔ CHIM (*Kulāvakaṣutta*) (S. I. 224)

252. Ở Sāvattthi.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, giữa chư thiên và các a-tu-la xảy ra cuộc chiến rất ác liệt.

Này các Tỷ-kheo, trong cuộc chiến ấy, các a-tu-la thắng trận, còn chư thiên bại trận.

Này các Tỷ-kheo, chư thiên bại trận thời lui về phương Bắc, còn các a-tu-la đuổi theo họ.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với người đánh xe Mātali:

Hỡi này Mātali,
 Hãy giữ cho gọng xe,
 Tránh khỏi các tô chim,

Giữa các cây bông gòn.
Thà trao mạng sống ta,
Cho các a-tu-la,
Còn hơn khiến các chim,
Trở thành không tổ ấm!

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka, liền đánh xe trở lui, cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo.

Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la suy nghĩ: “Nay cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo của Thiên chủ Sakka đã trở lui. Lần thứ hai, chư thiên sẽ tiến đánh các a-tu-la.” Nghĩ vậy, họ sợ hãi lui vào trong thành phố a-tu-la.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka lại thắng trận, nhờ theo Chánh pháp.

VII. KINH KHÔNG GIAN TRÁ (*Nadubbhiyasutta*) (S. I. 225)

253. Ở Sāvatti.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka trong khi thiền tịnh độc cư, khởi lên ý nghĩ sau đây: “Dầu ai là kẻ thù của ta, đối với họ, ta không có gian trá.”

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua của các a-tu-la, với tâm của mình biết tâm của Thiên chủ Sakka, liền đi đến Thiên chủ Sakka.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thấy Vepacitti, vua các a-tu-la, từ xa đi đến; thấy vậy, liền nói với Vepacitti, vua các a-tu-la:

“Hãy đứng lại, này Vepacitti, ông đã bị bắt.”

“Này thân hữu, tâm của ông trước như thế nào, chớ có bỏ tâm ấy!”

“Này Vepacitti, ông có thể thề:⁸ ‘Ta không bao giờ gian trá.’”

[Vepacitti:]

Ác báo do vọng ngôn,
Ác báo do báng Thánh,⁹
Ác báo do phản bạn,¹⁰
Ác báo do vong ân.¹¹
Này Sujampati,
Ai gian trá với ông,
Người ấy sẽ thọ lãnh,
Các ác báo như vậy.

⁸ *Sapassu. SA. I. 345* viết: “Ta không có gian trá, thề với người như thế”.

⁹ Xem *S. I. 149* (kinh 181 ở trước).

¹⁰ Xem *Mahākapi Jātaka* (số 407).

¹¹ Ví dụ như trường hợp của Devadatta.

VIII. KINH VUA A-TU-LA VEROcana (*Verocanaasurindasutta*)¹² (S. I. 225)

254. Ở Sāvatti, tại Jetavana. Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa và ngồi thiền tịnh.

Rồi Thiên chủ Sakka và A-tu-la vương Verocana đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng, mỗi người dựa vào một cột cửa.

Rồi A-tu-la vương Verocana nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.

[Sakka:]

Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.

[Verocana:]

Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.

[Sakka:]

Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài.

¹² Bản tiếng Anh của PTS: *Verocana, Lord of Asuras (or Aims)*, nghĩa là *Verocana - Vua của các a-tu-la* (hay *Các mục đích*).

Khi mục đích thành tựu,
 Thời chiếu diệu chói sáng.
 Không gì tốt đẹp hơn,
 So sánh với kham nhẫn.

IX. KINH CÁC ẮN SĨ Ở RỪNG (*Araññāyatanaśisutta*)¹³ (S. I. 226)

255. Ở Sāvatthi.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều ắn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau trong những chồi lá trong rừng.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka và Vepacitti, vua các a-tu-la, đi đến các vị ắn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, sau khi mang giày ống (hia), cầm đao kiếm, có lọng che, đi vào am thất bằng cửa chính, không hữu nhiễu mà đi ngang qua mặt các vị ắn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.

Này các Tỷ-kheo, còn Thiên chủ Sakka thời cởi giày ống, giao kiếm cho người khác, xếp lọng, đi vào am thất bằng cửa phụ, đứng phía sau các vị ắn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, chấp tay vái chào.

Này các Tỷ-kheo, các vị ắn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Mùi hương các ắn sĩ,
 Đã lâu ngày tu hành,
 Xuất phát từ thân họ,
 Được gió thổi mang đi,
 Từ đó thổi đến người.
 Ôi! Vị có ngàn mắt,
 Mùi hương các ắn sĩ,
 Không được cho thanh tịnh,
 Này vị vua chư thiên.

[Sakka:]

Mùi hương các ắn sĩ,
 Đã lâu ngày tu hành,
 Xuất phát từ thân họ,
 Hãy được gió mang đi,
 Như vòng hoa nhiều loại,
 Được trang sức trên đầu.
 Chư Tôn giả, chúng tôi
 Ước mong được hương ấy,
 Không gì ở nơi đây,

¹³ Bản tiếng Anh của PTS: *Forest Seers (or Perfume)*, nghĩa là *Các ắn sĩ ở rừng (hay Hương thơm)*.

Làm chư thiên ghê tởm.¹⁴

X. KINH CÁC ẮN SĨ Ở BỜ BIỂN (*Samuddakasutta*)¹⁵ (S. I. 227)

256. Ở Sāvatti.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều vị ắnsĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau ở trong những chòi lá trên bờ biển.

Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, một trận chiến xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la rất ác liệt.

Này các Tỷ-kheo, các vị ắnsĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy suy nghĩ như sau: “Chư thiên sống như pháp, các a-tu-la sống phi pháp. Chúng ta có thể nguy hiểm từ phía a-tu-la. Vậy chúng ta hãy đi đến A-tu-la vương Sambara và xin được bảo đảm vô úy.”

Này các Tỷ-kheo, các vị ắnsĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, như lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang đuổi ra, biến mất trong các chòi lá trên bờ biển và hiện ra trước mặt A-tu-la vương Sambara.

Này các Tỷ-kheo, các vị ắnsĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với A-tu-la vương Sambara:

Các ắnsĩ chúng tôi,
Đến với Sambara,
Đề xin Ngài bảo đảm,
Thí cho sự vô úy.
Hãy làm như Ngài muốn,
Hãy thí cho chúng tôi,
Những người đang sợ hãi,
Được khỏi phải sợ hãi!

[Sambara:]

Ắnsĩ như các ông,
Không thể có vô úy.
Đã phục vụ Sakka,
Vị trí không tốt lành,
Các ông xin vô úy,
Ta cho sự sợ hãi.

[Các ắnsĩ:]

Chúng tôi xin vô úy,
Ông lại cho sợ hãi,
Ta nhận vậy từ ông,
Trọn đời, ông sợ hãi!

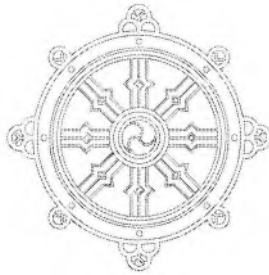
¹⁴ Giới hương được giải thích trong *Dh.* v. 54; mùi hương loài người khiến chư thiên ghê tởm. Xem *DB.* II. 355.

¹⁵ Bản tiếng Anh của PTS: *Seers of the Seaside* (or *Sambara*), nghĩa là *Các ắnsĩ ở bờ biển* (hay *Sambara*).

Tùy hột giống đã gieo,
 Ông gặt quả như vậy.
 Làm thiện được quả thiện,
 Làm ác bị quả ác.
 Giống đã gieo và trồng,
 Ông sẽ hưởng kết quả.

Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, sau khi thốt lời chú nguyện chống A-tu-la vương Sambara, như lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, liền biến mất trước mặt A-tu-la vương Sambara và hiện ra trong các chồi lá trên bờ biển.

Này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Sambara bị các ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy chú nguyện như vậy, trong đêm ấy thức dậy hoảng hốt ba lần.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTTIYAVAGGA*)

I. KINH THIỆN HẠNH (*Vatapadasutta*)¹⁶ (S. I. 228)

257. Tại Sāvatthi.

– Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người,¹⁷ vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Bảy thiện hạnh là gì?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thực. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy.

Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc trưởng thượng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ.
Với con người như vậy,
Chư thiên Tam Thập Tam,
Gọi là bậc Chân nhân.

II. KINH THIÊN CHỦ SAKKA (*Sakkanāmasutta*) (S. I. 229)

258. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavā.

¹⁶ Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Gods*, nghĩa là *Chư thiên*. Ngoài ra, kinh này trong bản tiếng Anh của PTS còn viết *The Rules*, nghĩa là *Cấm giới*.

¹⁷ Xem S. I. 216 (kinh 247 ở trước); *Kulāvaka Jātaka* (số 31).

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được tên là Purindada.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn (*sakkaccaṃ*), do vậy được tên là Sakka.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vāsava.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được tên là Sahassakkha (Ngàn Con Mắt).

Này các Tỷ-kheo, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ a-tu-la tên là Sujā, do vậy được tên là Sujampati.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam Thập Tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Thế nào là bảy thiện hạnh?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phần nộ; nếu tôi có phần nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phần nộ ấy.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc trưởng thượng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phần nộ.
Với con người như vậy,
Chư thiên Tam Thập Tam,
Gọi là bậc Chân nhân.

III. KINH MAHĀLI (*Mahālisutta*) (S. I. 230)

259. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesālī, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Mahāli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahāli, người Licchavi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thấy Thiên chủ Sakka không?

– Này Mahāli, Ta có thấy Thiên chủ Sakka.

– Bạch Thế Tôn, có thể vị ấy tương tự giống Sakka. Bạch Thế Tôn, thật khó thấy Thiên chủ Sakka.

– Này Mahāli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy, Sakka được địa vị Sakka. Và Ta biết các pháp ấy.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavā.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bỏ thí từ thành này qua thành khác, do vậy được gọi là Purindada.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bỏ thí một cách trọn vẹn, do vậy được gọi là Sakka.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bỏ thí trú xứ, do vậy được gọi là Vāsava.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn, suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được gọi là Sahassakkha (Ngàn Con Mắt).

Này Mahāli, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ a-tu-la là Sujā, do vậy được gọi là Sujampati.

Này Mahāli, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam Thập Tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh, Sakka được địa vị Sakka.

Thế nào là bảy thiện hạnh?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phần nộ; nếu tôi có phần nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phần nộ ấy.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
 Kính trọng bậc trưởng thượng,
 Nói những lời nhu hòa,
 Từ bỏ lời hai lưỡi,
 Chế ngự lòng xan tham,
 Là con người chân thực,
 Nhiếp phục được phần nô.
 Với con người như vậy,
 Chư thiên Tam Thập Tam,
 Gọi là bậc Chân nhân.

IV. KINH NGƯỜI NGHÈO (*Daḷiddasutta*) (S. I. 231)

260. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một người ở tại thành Vương Xá này; người ấy nghèo khó, bần cùng,¹⁸ khốn khổ.

Người ấy chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ.

Người ấy do chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ nên sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng.

Ở đây, này các vị Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bậc tức, chán ghét, phẫn uất: “Thật là kỳ lạ! Thật là chưa từng có! Thiên tử này thuở xưa làm người, nghèo khó, bần cùng, khốn khổ. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng.”

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở Tam Thập Tam thiên: “Này chư thân hữu, chớ có bậc tức với vị thiên tử này. Này chư thân hữu, vị thiên tử này trước kia làm người, chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ. Người ấy do chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ nên sau khi thân hoại mạng

¹⁸ Ngài Buddhaghosa giải thích *kapana* là người được người khác thương hại.

chung, vị ấy được sanh thiên thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng.”

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Ai tín thành Như Lai,
Bất động, khéo an trú;
Ai giữ giới thuần thiện,
Được bậc Thánh tán thán;
Ai tín thành chúng Tăng,
Chơn trực và chánh kiến,
Được gọi: “Không phải nghèo”,
Đời sống không hư vọng.
Do vậy người có trí,
Phải nhớ lời Phật dạy,
Tín thành và trì giới,
Tri kiến đúng Chánh pháp.¹⁹

V. KINH KHẢ ÁI, KHẢ LẠC (*Rāmaṇeyyakasutta*) (S. I. 232)

261. Ở Sāvattthi, tại Jetavana. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, địa cảnh nào khả ái, khả lạc?

[Thế Tôn:]

Các cảnh vườn mỹ diệu,²⁰
Các khu rừng mỹ diệu,
Các ao sen khéo xây,
Được loài người khả ái,
Thật sự chỉ đáng giá,
Chỉ một phần mười sáu.
Tại làng hay tại rừng,
Chỗ đất thấp hay cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Địa cảnh ấy khả ái.

VI. KINH TỎ CHÚC LỄ TẾ ĐÀN (*Yajamānasutta*) (S. I. 232)

262. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

¹⁹ Trong *Chú giải*, Ngài Buddhaghosa giải thích *pasāda* (niềm tin) là có niềm tin đối với Phật, Pháp, Tăng. *Dhammadassana* (thầy pháp) trong kinh này có nghĩa là hiểu rõ Bốn Thánh đế. Xem A. II. 57.

²⁰ *Cetyā* trong nghĩa sai khác, dị biệt, có nhiều màu sắc.

Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Loài người lễ tế đàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức,
Đưa đến sự tái sanh,
Chỗ nào sự bố thí,
Được quả báo thật lớn?

[Thế Tôn:]

Ai thành tựu bốn Đạo,
Ai chứng đắc bốn Quả,²¹
Tặng chúng ấy chơn trực,
Giới, Định, Tuệ đầy đủ.
Loài người lễ tế đàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức,
Đưa đến sự tái sanh,
Bố thí cho chúng Tăng,
Được quả báo thật lớn.²²

VII. KINH ĐÁNH LỄ ĐỨC PHẬT (*Buddhavandanāsutta*)²³ (S. I. 233)

263. Ở Sāvatti, tại Jetavana. Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa thiền tịnh.

Rồi Thiên chủ Sakka và Phạm thiên Sahampati²⁴ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột cửa.

Rồi Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Đứng lên bậc Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
Đã đặt gánh nặng xuống,
Không mắc nợ một ai.
Bộ hành khắp thế giới,
Tâm Ngài khéo giải thoát,
Chẳng khác gì mặt trăng,
Trong đêm rằm chói sáng.

Phạm thiên Sahampati:

– Nay Thiên chủ, kính lễ Như Lai không phải như vậy. Và nay Thiên chủ, kính lễ Như Lai phải như thế này:

²¹ Xem S. I. 98 (kinh 135 ở trước); KS. I. 281, n. 2.

²² Xem S. I. 75 (kinh 120 ở trước); S. I. 100 (kinh 136 ở trước).

²³ Bản tiếng Anh của PTS: *Worship*, nghĩa là *Đánh lễ*.

²⁴ Xem S. I. 136 (kinh 172 ở trước).

Đứng lên bậc Anh Hùng,
 Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
 Lãnh đạo đoàn lữ hành,
 Không mắc nợ một ai.
 Bộ hành khắp thế giới,
 Thế Tôn hãy thuyết pháp,
 Có những người sẽ hiểu.

VIII. KINH ĐÁNH LỄ HÀNG CƯ SĨ (*Gahaṭṭhavandanāsutta*)²⁵ (S. I. 234)

264. Tại Sāvatti. Ở đây... Thế Tôn nói:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

“Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Thiên chủ Sakka:

“Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.”

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chấp tay và đánh lễ các phương hướng.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Bậc Tam minh lễ Ngài,
 Tất cả Sát-đế-ly,
 Ở trên cõi đất này,
 Cũng đều đánh lễ Ngài,
 Kể cả Bốn Thiên Vương,
 Bậc danh xưng Tam Thập.
 Dạ-xoa ấy tên gì,
 Vị mà Ngài đánh lễ,
 Này Thiên chủ Sakka?

[Sakka:]

Bậc Tam minh lễ ta,
 Tất cả Sát-đế-ly,
 Ở trên cõi đất này,
 Cũng đều đánh lễ ta,

²⁵ Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (265, 266) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Sakka's Worshipping*, nghĩa là *Thiên chủ Sakka đánh lễ*.

Kẻ cả Bốn Thiên Vương,
 Bạc danh xưng Tam Thập.
 Nhưng ta chỉ đánh lễ,
 Bạc thành tựu giới luật,
 Lâu ngày tu thiền định,
 Chơn chánh hạnh xuất gia,
 Thành đạt và chứng được,
 Cứu cánh chơn Phạm hạnh.
 Ngoài ra các gia chủ,
 Làm công đức, giữ giới,
 Nuôi dưỡng vợ đúng pháp,
 Các cư sĩ như vậy,
 Ta cũng sẽ đánh lễ,
 Hỡi này Mātali!

[Mātali:]

Phải, tôi cũng được nghe,
 Ở đời bậc Tối thượng,
 Sakka, Ngài đánh lễ.
 Những vị Ngài đánh lễ,
 Tôi cũng đều đánh lễ,
 Ôi này Vāsava!

[Thế Tôn:]

Maghavā nói vậy,
 Vua Sujampati,
 Đánh lễ các phương xong,
 Lên xe, dẫn đi đầu.

IX. KINH ĐÁNH LỄ BẠC ĐẠO SU' (*Satthāravandanāsutta*) (S. I. 235)

265. Ở Sāvatti, tại Jetavana.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

“Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Sakka:

“Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.”

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, từ cung điện Vejayaṇṭa đi xuống, chấp tay kính lễ Thế Tôn.

Rồi Mātali, người đánh xe nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Thiên, nhân kính lễ Ngài,
Hỡi này Vāsava!
Dạ-xoa ấy tên gì,
Vị mà Ngài đánh lễ,
Này Thiên chủ Sakka?

[Sakka:]

Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Đời này với chư thiên,
Bậc Đạo Sư tối thượng,
Vị ấy ta đánh lễ,
Hỡi này Mātali!
Những vị đã đoạn trừ,
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Vị ấy ta đánh lễ.
Bậc Điều Phục Tham Sân,
Vượt khỏi màn vô minh,
Hoan hỷ đoạn tái sanh,
Các bậc thuộc Hữu học,
Không phóng dật, tu học,
Vị ấy ta đánh lễ,
Hỡi này Mātali!

[Mātali:]

Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc Tối Thượng,
Sakka, Ngài đánh lễ.
Những vị Ngài đánh lễ,
Tôi cũng đều đánh lễ,
Ôi này Vāsava!

[Thế Tôn:]

Maghavā nói vậy,
Vua Sujampati,
Đánh lễ Thế Tôn xong,
Lên xe, dẫn đi đầu.

X. KINH ĐÁNH LỄ CHÚNG TĂNG (*Saṅghavandanāsutta*) (S. I. 235)

266. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Ở đây... Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

“Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh.”

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Thiên chủ Sakka:

“Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.”

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chấp tay đánh lễ chúng Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, rồi người đánh xe Mātali nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Họ phải đánh lễ Ngài,
 Những người thân bất tịnh,
 Chìm sâu trong thi thể,
 Bị đói khát giày vò,
 Có gì Ngài ưa thích,
 Đối những vị xuất gia?
 Hãy nói cho được biết,
 Sở hành các ẩn sĩ,
 Nhờ vậy chúng tôi nghe,
 Được tiếng nói của Ngài,
 Hỡi này Vāsava!

[Sakka:]

Hỡi này Mātali!
 Đối những vị xuất gia,
 Điều khiến ta ưa thích,
 Khi họ từ làng về,
 Họ đi không tham vọng,
 Vựa lúa không cất chứa,
 Không ghè, không nôi niêu.
 Những gì họ tìm kiếm,
 Có người khác sẵn sàng.
 Do vậy họ nuôi sống,
 Theo cung cách tốt đẹp.
 Họ là bậc hiền trí,
 Khuyên nhủ lời tốt đẹp,
 Hay họ giữ im lặng,
 Trong tư thế trầm tĩnh.
 Chư thiên chiến tu-la,

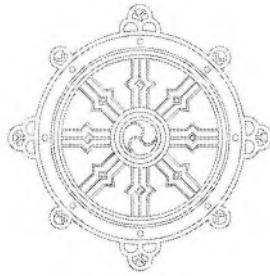
Loài người cũng gây chiến,
 Hỡi này Mātali!
 Không chiến giữa gây chiến,
 Trầm tĩnh giữa đao gậy,
 Không chấp giữa chấp trước,
 Vậy ta kính lễ họ,
 Hỡi này Mātali!

[Mātali:]

Phải, tôi cũng được nghe,
 Ở đời bậc Tối thượng,
 Sakka, Ngài đánh lễ.
 Những vị Ngài đánh lễ,
 Tôi cũng đều đánh lễ,
 Ôi này Vāsava!

[Thế Tôn:]

Maghavā nói vậy,
 Vua Sujampati,
 Đánh lễ Tăng chúng xong,
 Lên xe, dẫn đi đầu.



III. PHẨM THỨ BA (*TATIYAVAGGA*)

I. KINH ĐOẠN DỨT (*Chetvāsutta*)²⁶ (S. I. 237)

267. Ở Sāvatti, tại Jetavana. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì không sầu?
Có một loại pháp gì,
Ngài tán đồng đoạn dứt,
Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phần nộ được lạc.
Đoạn phần nộ không sầu.
Phần nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy, bậc Hiền Thánh,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy, không sầu,
Hỡi này Vāsava!

II. KINH XẤU XÍ (*Dubbaṇṇiyasutta*) (S. I. 237)

268. Ở Sāvatti, tại Jetavana. Tại đây... Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to (*okoṭimaka*) đến ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét, phẫn uất: “Thật kỳ lạ thay! Thật là chưa từng có! Tên dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to lại đến ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka.”

Này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên càng bực tức, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời dạ-xoa ấy càng đẹp hơn, càng dễ nhìn, càng dễ thương bấy nhiêu.

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, nói với Thiên chủ Sakka:

²⁶ Bản tiếng Anh của PTS: *What Must We Slay?* nghĩa là *Chúng ta phải đoạn dứt thứ gì?* Kinh này được đề cập đến 4 lần. Xem S. I. 41 (kinh 71 ở trước); S. I. 47 (kinh 84 ở trước); S. I. 160 (kinh 187 ở trước).

“Ở đây, này Tôn giả, có một dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to đến ngòi trên chỗ ngòi của Ngài. Ở đây, này Tôn giả, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét, phẫn uất: ‘Thật kỳ lạ thay! Thật là chưa từng có! Dạ-xoa này xấu xí, thấp lùn, bụng to lại đến ngòi trên chỗ ngòi của Thiên chủ Sakka.’ Nhưng này Tôn giả, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên càng bực tức, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to ấy càng tốt đẹp, càng dễ nhìn và càng dễ thương bấy nhiêu. Thưa Tôn giả, có phải dạ-xoa ấy sẽ trở thành dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phần nộ?”

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phần nộ ấy; sau khi đến, đắp thượng y vào một bên vai, đầu gối phải quỳ trên đất, chắp tay vái dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phần nộ và nói lên tên của mình ba lần: “Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka. Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka. Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka.”²⁷

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka càng nói lên tên của mình bao nhiêu, thời dạ-xoa ấy càng trở thành xấu xí, thấp lùn, bụng to bấy nhiêu; và sau khi trở thành càng xấu xí, càng thấp lùn, bụng to hơn, vị ấy biến mất tại chỗ ấy.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, sau khi ngồi xuống trên chỗ ngòi của mình, làm cho hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Tâm ta không dễ dàng,
 Để cho bị thất trận,
 Không dễ bị lôi kéo,
 Trong xoáy nước phần nộ.
 Người biết đã từ lâu,
 Ta không còn phần nộ,
 Phần nộ không chân đứng,
 Một chỗ nào trong ta.
 Ta không nói ác ngữ,
 Vì phần nộ giận hờn,
 Và không có khen tặng,
 Những đức tánh của ta,²⁸
 Thấy được lợi ích mình,
 Ta tự thân chế ngự.

III. KINH ẢO THUẬT CỦA SAMBARA (*Sambarimāyāsutta*) (S. I. 238)

269. Tại Sāvatti... Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa A-tu-la vương Vepacitti bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

²⁷ Xem S. I. 77 (kinh 122 ở trước).

²⁸ Câu này có thể có hai nghĩa: Chớ có nói lên lời tán thán đức tánh của tôi và tôi không làm trái với lòng tin của tôi.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến A-tu-la vương Vepacitti để hỏi thăm tình trạng bệnh hoạn.

Này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti từ đằng xa trông thấy Thiên chủ Sakka đi đến; thấy vậy, liền nói với Thiên chủ Sakka:

“Này Thiên chủ, hãy chữa bệnh cho tôi.”

“Này Vepacitti, hãy nói tôi biết ảo thuật của Sambara.”

“Này Tôn giả, hãy chờ tôi hỏi ý kiến các a-tu-la.”

Rồi này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti hỏi ý kiến các a-tu-la:

“Chư Tôn giả, tôi có nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của Sambara không?”

“Thưa Tôn giả, Ngài không nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của Sambara.”

Rồi này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti nói lên bài kệ này với Thiên chủ Sakka:

Ông thuộc dòng Magha,
Là Sakka, Thiên chủ,
Là chồng của Sujā,
Ảo thuật dắt dẫn đến,
Vực sâu của địa ngục,
Tại đây Sambara,
Đã sống một trăm năm.

IV. KINH PHẠM TỘI (*Accayasutta*)²⁹ (S. I. 239)

270. Ở Sāvatti...

Lúc bấy giờ, hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Ở đây, một Tỷ-kheo phạm tội, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo kia không chấp nhận.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Một Tỷ-kheo phạm tội. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo kia không chấp nhận.

– Này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là ngu si: Một vị không thấy phạm tội là phạm tội, một vị không chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Này các Tỷ-kheo, hai vị Tỷ-kheo này là ngu si.

Này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là sáng suốt: Một vị thấy phạm tội là phạm tội, một vị chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Này các Tỷ-kheo, hai vị Tỷ-kheo này là sáng suốt.

²⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *Gentleness at Offence*, nghĩa là *Tha thứ lỗi lầm*.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

Hãy nhiếp phục phần nộ,
Giữ tình bạn không phai.
Không đáng mắng, chớ mắng.
Không nên nói hai lưỡi.
Phần nộ đối người ác,
Như núi đè bẹp người.

V. KINH KHÔNG PHẦN NỘ (*Akkodhasutta*)³⁰ (S. I. 240)

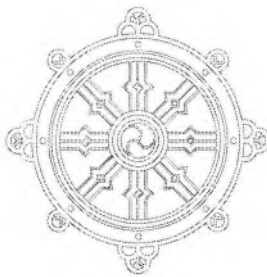
271. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư Thiên ở Tam Thập Tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

Chớ để lòng phần nộ,
Nhiếp phục chi phối người!
Chớ để lòng sân hận,
Đối trị với sân hận!
Không phần nộ, vô hại,
Bậc Thánh thường an trú.
Phần nộ đối người ác,
Như núi đè bẹp người.



³⁰ Bản tiếng Anh của PTS: *Mildness* (and *Kindness*), nghĩa là *Hòa nhã* (và *Từ tế*).